

Số: 3621/BC-KKT

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**Công khai tài chính năm 2020**

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý Nhà nước;

Căn cứ Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài Chính - Bộ Nội Vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban;

Căn cứ số liệu báo cáo năm 2020;

Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa báo cáo công khai tình hình sử dụng kinh phí hoạt động của cơ quan đến toàn thể cán bộ công chức Ban như sau:

**A. NGUỒN KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG:**

*DVT: Đồng*

S TT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2020	Số thực hiện đến 07/12/2020	Ước thực hiện đến 31/12/2020	Kinh phí còn lại chưa sử dụng chuyển năm sau, hủy bỏ
I	<b>NGUỒN KP TỰ CHỦ NĂM 2020</b>	<b>4.889.449.106</b>	<b>3.760.692.410</b>	<b>4.441.000.000</b>	<b>448.449.106</b>
1	<b>Kinh phí năm 2019 chuyển qua</b>	<b>448.449.106</b>	-	-	<b>448.449.106</b>
	- Kinh phí khoán Chi hành chính (N13)	354.641.603			354.641.603
	- KP tạo nguồn cải cách tiền lương (N14)	93.807.503			93.807.503

S TT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2020	Số thực hiện đến 07/12/2020	Ước thực hiện đến 31/12/2020	Kinh phí còn lại chưa sử dụng chuyển năm sau, hủy bỏ
2	<b>Nguồn kinh phí Chi hoạt động thường xuyên năm 2020:</b> (Cấp đầu năm 4.562.000.000đ - 54.000.000đ TK 10% 6 tháng cuối năm - 67.000.000đ giảm 01 Biên chế = 4.441.000.000đ)	<b>4.441.000.000</b>	<b>3.760.692.410</b>	<b>4.441.000.000</b>	<b>0</b>
	+ Tiền lương		1.829.521.474	1.829.521.474	
	+ Phụ cấp (chức vụ, công vụ, một cửa,...)		683.732.322	691.778.322	
	+ Tiền thưởng		11.920.000	81.920.000	
	+ Chi phúc lợi tập thể		78.867.700	146.695.170	
	+ Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ		597.947.494	655.097.671	
	+ Chi tăng thu nhập		64.000.000	414.000.000	
	+ Các khoản thanh toán cho cá nhân (Chi hỗ trợ kiểm soát thủ tục hành chính)		5.445.000	10.685.000	
	+ Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước, xăng xe, phí vệ sinh môi trường...)		94.407.153	112.989.621	
	+ Vật tư văn phòng		80.005.600	92.278.836	
	+ Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		59.584.422	65.001.188	
	+ Hội nghị		770.000	1.770.000	
	+ Công tác phí		56.695.000	61.849.091	
	+ Chi thuê mướn (đào tạo CB, thuê mướn khác, ...)		1.850.000	3.643.182	
	+ Chi sửa chữa (ô tô, điều hòa nhiệt độ, thiết bị tin học, hệ thống nước)		12.549.000	33.689.818	
	+ Chi mua sắm tài sản chuyên môn		24.570.000	26.803.636	
	+ Chi mua sắm tài sản vô hình (bảo trì phần mềm)		650.000	709.091	
	+ Chi khác (tiếp khách, hỗ trợ, bảo hiểm xe ô tô, phí lệ phí...)		48.297.195	102.687.849	

S TT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2020	Số thực hiện đến 07/12/2020	Ước thực hiện đến 31/12/2020	Kinh phí còn lại chưa sử dụng chuyển năm sau, hủy bỏ
	+ Chi hỗ trợ giải quyết việc làm		109.880.050	109.880.050	
<b>II</b>	<b>NGUỒN KP KHÔNG TỰ CHỦ 2020</b>	<b>266.000.000</b>	<b>194.105.619</b>	<b>254.646.000</b>	<b>11.354.000</b>
<i>1</i>	<i>Chi xúc tiến đầu tư (cấp đầu năm 180.000.000đ - 14.000.000đ STC điều chỉnh giảm)</i>	<b>166.000.000</b>	<b>133.459.619</b>	<b>166.000.000</b>	-
<i>2</i>	<i>Chi hỗ trợ lễ, tết Nguyên đán</i>	<b>51.000.000</b>	<b>40.450.000</b>	<b>40.450.000</b>	<b>10.550.000</b>
<i>3</i>	<i>Kinh phí nhận bút, thù lao dăng thông tin điện tử Ban (cấp đầu năm 18.000.000đ - 2.000.000đ STC điều chỉnh giảm)</i>	<b>16.000.000</b>		<b>16.000.000</b>	-
<i>4</i>	<i>Kinh phí thuê đặt máy chủ</i>	<b>21.000.000</b>	<b>20.196.000</b>	<b>20.196.000</b>	<b>804.000</b>
<i>5</i>	<i>Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng phi lao chống cát trôi (cấp đầu năm 41.000.000đ, trong năm không thực hiện, STC đã điều chỉnh giảm)</i>				-
<i>6</i>	<i>Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản</i>	<b>12.000.000</b>		<b>12.000.000</b>	-
<b>III</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>	<b>1.192.000.000</b>	-	<b>1.192.000.000</b>	-
<i>1</i>	<i>Kinh phí xây dựng mô hình đặc khu hành chính - kinh tế (Cấp đầu năm 450.000.000đ, trong năm không thực hiện, STC đã điều chỉnh giảm)</i>				-
<i>2</i>	<i>Kinh phí duy tu bảo dưỡng các tuyến đường</i>	<b>990.000.000</b>		<b>990.000.000</b>	-
<i>3</i>	<i>Kinh phí đo đạc rừng phi lao chống cát trôi (Cấp bổ sung trong năm)</i>	<b>95.000.000</b>		<b>95.000.000</b>	-
<i>4</i>	<i>Kinh phí sự nghiệp môi trường</i>	<b>107.000.000</b>		<b>107.000.000</b>	-
	<b>CỘNG CHI NSNN</b>	<b>6.347.449.106</b>	<b>3.954.798.029</b>	<b>5.887.646.000</b>	<b>459.803.106</b>

S TT	Nội dung	Số ngân sách cấp năm 2020	Số thực hiện đến 07/12/2020	Ước thực hiện đến 31/12/2020	Kinh phí còn lại chưa sử dụng chuyển năm sau, hủy bỏ
IV	<b>NGUỒN THU PHÍ, LỆ PHÍ</b> (số dư năm 2019 chuyển qua 89.283.152đ + số thu năm được để lại tính đến 15/11/2020: 6.352.000đ - 362.000đ tiết kiệm 10% nguồn thu = 95.273.152đ).	<b>95.273.152</b>	<b>41.680.743</b>	<b>42.958.863</b>	<b>52.314.289</b>
	Nguồn Ngân sách	58.313.356	5.144.900	6.423.020	51.890.336
	Nguồn CCTL	36.959.796	36.535.843	36.535.843	423.953
V	<b>Ban Quản lý dự án hạ tầng Khu kinh tế và Khu công nghiệp (Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên)</b>	<b>26.000.000</b>	<b>18.050.000</b>	<b>18.050.000</b>	<b>7.950.000</b>
1	Chi hỗ trợ lễ, tết Nguyên đán	26.000.000	18.050.000	18.050.000	7.950.000

*1. Đánh giá kết quả thực hiện chế độ cải cách tiền lương:*

Ban đã thực hiện tốt chế độ cải cách tiền lương, vẫn đảm bảo nguồn tiền tiết kiệm để thực hiện chế độ cải cách tiền lương và lộ trình tăng lương từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên.

*2) Nhận xét, đánh giá về kinh phí hoạt động:*

- Nguồn kinh phí không tự chủ: Ước còn lại dự toán 11.354.000 đồng do chi theo thực tế.
- Nguồn kinh phí chi sự nghiệp: Ước chi hết theo số dự toán được cấp.
- Nguồn kinh phí tự chủ: Ước chi hết theo số dự toán được cấp.

**B. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN:**

- Năm 2020, Kế hoạch vốn đầu tư XDCB được bố trí: 135.164.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Vốn Trung ương: 104.381.000.000 đồng.
  - KH vốn năm 2020: 90.000.000.000 đồng.
  - Trả nợ vốn ứng trước: 14.381.000.000 đồng.
- + Vốn Địa phương: 30.783.000.000 đồng.

- KH vốn năm 2020: 10.000.000.000 đồng.
- KH Vốn CBĐT năm 2020: 1.000.000.000 đồng.
- KH Vốn KD năm 2019 sang: 19.783.000.000 đồng.

\* Đã giải ngân tính đến 15/12/2020:

- + Vốn Trung ương: 82.796.000.000 đồng đạt 79% KH.
  - KH vốn năm 2020: 68.434.000.000 đồng.
  - Trả nợ vốn ứng trước: 14.362.000.000 đồng.
- + Vốn Địa phương: 15.904.632.000 đồng đạt 52% kế hoạch.
  - KH vốn năm 2020: 0 đồng.
  - KH Vốn CBĐT năm 2020: 549.632.000 đồng.
  - KH Vốn KD năm 2019 sang: 15.355.000.000 đồng.

\* Ước thực hiện đến 31/01/2021:

- + Vốn Trung ương: đạt 100% kế hoạch.
- + Vốn Địa phương: đạt 100% kế hoạch.

(Chi tiết theo bảng sau)

*ĐVT: Ngàn Đồng*

Stt	Tên dự án	KH vốn năm 2020	Đã giải ngân đến 15/12/2020	Ước thực hiện đến 31/01/2021	Kế hoạch vốn còn lại, chuyển năm sau, hủy bỏ
1	2	3	4	5	6 = 3-5
<b>I</b>	<b>VỐN TRUNG ƯƠNG</b>	<b>104.381.000</b>	<b>82.815.000</b>	<b>104.381.000</b>	<b>0</b>
1	Đường GT từ Quốc Lộ 1A đến Đầm Môn	90.000.000	68.434.000	90.000.000	0
2	CSHT khu TĐC Xóm Quán	6.508.000	6.508.000	6.508.000	0
3	CSHT khu TĐC Vĩnh Yên	7.873.000	7.873.000	7.873.000	0
<b>II</b>	<b>VỐN ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>30.783.000</b>	<b>15.904.632</b>	<b>30.783.000</b>	<b>0</b>
<b>A</b>	<b>Vốn chuẩn bị đầu tư</b>	<b>1.000.000</b>	<b>549.632</b>	<b>1.000.000</b>	<b>0</b>
1	Đường giao thông Ngoài Cảng trung chuyển QTVP	1.000.000	549.632	1.000.000	0
<b>B</b>	<b>Vốn thực hiện đầu tư năm 2020</b>	<b>10.000.000</b>	<b>0</b>	<b>10.000.000</b>	<b>0</b>
1	CSHT khu TĐC Xóm Quán	2.000.000	0	2.000.000	0

Stt	Tên dự án	KH vốn năm 2020	Đã giải ngân đến 15/12/2020	Ước thực hiện đến 31/01/2021	Kế hoạch vốn còn lại, chuyển năm sau, hủy bỏ
1	2	3	4	5	6 = 3-5
2	Đường GT từ Quốc Lộ 1A đến Đầm Môn	8.000.000	0	8.000.000	0
<b>C</b>	<b>Vốn KH năm 2019 KD</b>	<b>19.783.000</b>	<b>15.355.0000</b>	<b>19.783.000</b>	<b>0</b>
1	Cải tuyến Tỉnh lộ 1B - đoạn từ Huyndai Vinashin đến Ninh Tịnh	9.800.000	9.800.000	9.800.000	0
2	Đường vào kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	7.000.000	4.867.000	7.000.000	0
3	CSHT khu TĐC Xóm Quán	2.983.000	688.000	2.983.000	0
	<b>TỔNG CỘNG (I +II)</b>	<b>135.164.000</b>	<b>98.719.632</b>	<b>135.164.000</b>	<b>0</b>

**Tóm lại:** Trong năm 2020 tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid 19 kéo dài, bão lũ xảy ra liên tục, ngân sách nhà nước còn hạn chế nên các khoản kinh phí cấp theo định mức đều bị cắt giảm (cắt giảm 01 biên chế và cắt giảm thêm 70 triệu đồng do ảnh hưởng của dịch bệnh). Điều này ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập của CBCC trong cơ quan do số kinh phí cấp mỗi năm càng giảm nhưng các khoản chi thường xuyên của cơ quan ngày càng tăng.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Ban cùng với sự cố gắng của tập thể cơ quan, phòng đã cố gắng thực hiện kiểm soát các khoản chi hết sức tiết kiệm, đúng chế độ, định mức quy định để cuối năm có khoản tiết kiệm để tăng thu nhập cho CBCC và người lao động trong cơ quan. Thực hiện nghiêm túc việc công khai chi tiết số liệu dự toán và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho toàn thể CB – CC trong cơ quan được biết. Công tác lập, phân bổ dự toán kinh phí ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục, đảm bảo đúng theo các định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định.

Trên đây là báo cáo công khai tài chính năm 2020 gửi đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức, nhân viên thuộc Ban để biết và giám sát việc sử dụng./.

**TRƯỞNG BAN**

**Nơi nhận:**

- Trưởng Ban;
- Lưu: VT, KHTH, KHAN, 02.

**Hoàng Đình Phi**

